

Số: **1269** /PTM-PC

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2017

Vv: góp ý đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định 51, Nghị định 04 về hóa đơn

Kính gửi: Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 5395/BTC-TCT của Bộ Tài chính về việc góp ý Dự thảo về đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ (sau đây gọi tắt là Dự thảo), Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, trên cơ sở ý kiến của chuyên gia, có một số ý kiến như sau:

Về cơ bản, Hồ sơ đề nghị *khá đầy đủ* các nội dung đề xuất chính sách về hóa đơn dự kiến sẽ ban hành, đồng thời thể hiện khá rõ tinh thần cải cách thủ tục hành chính, điều này cho thấy sự nghiêm túc từ phía cơ quan chủ trì soạn thảo khi nghiên cứu, xây dựng chính sách. Các quy định về hóa đơn sẽ tác động trực tiếp đến cộng đồng doanh nghiệp, do đó, để đảm bảo các chính sách ban hành vừa đảm bảo mục tiêu quản lý nhà nước vừa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, đề nghị Ban soạn thảo xem xét, cân nhắc một số điểm sau:

#### **1. Về những thông tin cần được làm rõ hơn**

Các chính sách được đề xuất sẽ có căn cứ để đánh giá tính hợp lý hay không dựa trên những thông tin do Ban soạn thảo cung cấp và giải trình. Nhìn chung, các thông tin tại Hồ sơ đề nghị khá đầy đủ và toàn diện, tuy nhiên, để hoàn thiện hơn, đề nghị Ban soạn thảo bổ sung một số thông tin sau:

##### *- Thực trạng sử dụng hóa đơn điện tử của doanh nghiệp*

Tờ trình có nêu nội dung đánh giá thực trạng nền kinh tế Việt Nam về hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT), khả năng ứng dụng công nghệ thông tin ở Việt Nam hiện nay để áp dụng hóa đơn điện tử, trong đó đánh giá về hạ tầng CNTT của cơ quan thuế và doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử.

- Hiện tại, văn bản pháp luật cũng đã có quy định tạo cơ chế cho việc sử dụng hóa đơn điện tử và thực tế, doanh nghiệp cũng đã sử dụng loại hóa đơn này. Có thể hiểu, mục tiêu hướng đến của Nghị định này là sẽ thúc đẩy việc sử dụng hóa đơn điện tử, qua đó tạo thuận lợi về thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, để thực hiện được mục tiêu này, cần có đánh giá toàn diện và kỹ càng hơn về việc sử dụng hóa đơn điện tử ở các doanh nghiệp, qua đó sẽ có căn cứ để đưa ra lộ trình cũng như xác định các đối tượng bắt buộc phải sử dụng hóa

đơn điện tử. Nội dung của Dự thảo chưa làm rõ được nội dung này, ít nhất ở các điểm về các thông tin đánh giá đối với việc sử dụng hóa đơn điện tử ở doanh nghiệp: chi phí; trong quá trình sử dụng hóa đơn, có những vấn đề cần trao đổi, sửa chữa hóa đơn sai, chưa chính xác ... việc truyền dẫn dữ liệu như thế nào (thuận lợi hoặc khó khăn gì?) hay tính ổn định của việc sử dụng hóa đơn điện tử (doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số giải thể, gây khó khăn cho các doanh nghiệp sử dụng). Đối tượng điều chỉnh của chính sách này sẽ là các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, để sử dụng được hóa đơn điện tử, họ phải đầu tư cơ sở hạ tầng nhất định và bố trí nhân lực để vận hành hệ thống này. Đây là các chi phí không hề nhỏ, do đó cần được tính toán kỹ càng để đảm bảo tính khả thi và tạo thuận lợi cho nhóm doanh nghiệp này. *Về các điều kiện gắn với một số đối tượng cụ thể*

Theo như đề xuất tại các nhóm vấn đề thì có khá nhiều điều kiện được đặt ra với các nhóm đối tượng sử dụng hóa đơn và các đối tượng cung cấp dịch vụ (dịch vụ truyền dẫn, dịch vụ cung cấp phần mềm tự in hóa đơn), tuy nhiên Dự thảo lại không cung cấp chi tiết hơn các điều kiện này mà chỉ đưa ra các đề mục.

Đây là các nội dung rất quan trọng, tác động trực tiếp đến các đối tượng sử dụng hóa đơn; các đối tượng có hoạt động kinh doanh trong một số lĩnh vực cung cấp dịch vụ, do đó cần thiết phải nêu ra các điều kiện dự kiến để có thể nhận diện rõ hơn về mặt chính sách (các góp ý chi tiết được thể hiện ở phần sau), thay vì chỉ nêu các đề mục.

Hơn nữa, một điểm cần lưu ý là nếu bất kì hoạt động kinh doanh nào gắn điều kiện cho chủ thể cung cấp/thực hiện hoạt động, được hiểu là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và cần phải được tham chiếu với Danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại Phụ lục 4 (sửa đổi, bổ sung năm 2016) Luật đầu tư 2014. Nếu nằm ngoài Danh mục này, không được phép áp đặt điều kiện kinh doanh cho các ngành, nghề đó. Trong một số đề xuất chính sách tại Dự thảo, có một số ngành, nghề được xem là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, tuy nhiên cần đánh giá lại tính thống nhất với Luật đầu tư 2014.

## **2. Về nội dung chính sách trong Nghị định**

### **a. Về nhóm vấn đề quy định đối tượng bắt buộc sử dụng hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế và lộ trình áp dụng**

#### **- Về mục tiêu thực hiện hóa đơn điện tử**

Dự thảo đề ra mục tiêu “đến năm 2020, cơ bản thực hiện hóa đơn điện tử với khoảng 90% số doanh nghiệp hoặc 90% lượng hàng hóa được mua bán (lưu thông) bằng hóa đơn điện tử”.

Theo số liệu thống kê trong Dự thảo Tờ trình thì đến năm 2016, có 656 doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử, mặc dù tăng gần gấp đôi so với năm 2015 nhưng đây là con số quá nhỏ so với tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên thị trường. Vậy, trong 04 năm tới, mục tiêu 90% doanh nghiệp sẽ sử dụng hóa đơn điện tử liệu có khả thi hay không?

- *Đối tượng bắt buộc phải sử dụng hóa đơn điện tử/hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế*

Từ ngày 01/01/2018, Dự thảo xác định nhóm đối tượng phải sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế gồm: i) Các doanh nghiệp mới thành lập (không bao gồm các doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử); ii) Các doanh nghiệp, tổ chức đang mua hóa đơn của cơ quan thuế gồm: doanh nghiệp vi phạm về quản lý, sử dụng hóa đơn; doanh nghiệp có rủi ro theo thông báo của cơ quan thuế và tổ chức, doanh nghiệp khác thuộc đối tượng mua hóa đơn của cơ quan thuế trước ngày 01/01/2018 phải sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo Thông báo của cơ quan thuế.

Đề nghị Ban soạn thảo cân nhắc lại việc xác định các đối tượng trên phải sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế ở điểm sau:

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư 32/2011/TT-BTC<sup>1</sup> thì để được sử dụng hóa đơn điện tử, doanh nghiệp phải đáp ứng một số điều kiện nhất định (nhân lực, cơ sở vật chất; ...). Có nghĩa, không phải doanh nghiệp nào cũng được sử dụng hóa đơn điện tử. Với tính chất này, thì yêu cầu các doanh nghiệp mới thành lập, các doanh nghiệp, tổ chức đang mua hóa đơn của cơ quan thuế trong đó, có nhiều doanh nghiệp không đáp ứng đủ điều kiện để được sử dụng hóa đơn điện tử ... dường như là chưa hợp lý và thiếu tính khả thi. Do vậy, yêu cầu này cần được đánh giá kỹ càng và thận trọng hơn trong Dự thảo.
- Hiện tại, việc xác định doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử dựa vào “khả năng” các doanh nghiệp có thể sử dụng được hóa đơn này không, vì các quy định đang đặt ra các điều kiện cho các doanh nghiệp này. Tuy nhiên, các đối tượng được xác định phải sử dụng hóa đơn điện tử/hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan nhà nước lại không được đánh giá theo khả năng hay không mà được phân loại theo một số hình thức (địa bàn hoạt động, mức vốn điều lệ; hình thức tổ chức; ...). Điều này chỉ đúng trong trường hợp, suy đoán là tất cả các doanh nghiệp ở nước ta đều có khả năng sử dụng hóa đơn điện tử;

<sup>1</sup> Thông tư số 32/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 14/3/2011 hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ

Để đảm bảo tính hợp lý và khả thi, đề nghị Ban soạn thảo cân nhắc những vấn đề trên để xác định chính xác, phù hợp các đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử/hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế.

- Từ ngày 01/01/2019: 30% các tổ chức, doanh nghiệp còn lại

Quy định trên là chưa rõ ở các điểm sau:

- 30% các tổ chức, doanh nghiệp còn lại là các tổ chức, doanh nghiệp nào?
- 30% là tỷ lệ phải sử dụng hóa đơn điện tử hay hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế?
- Tiêu chí nào để lựa chọn 30% các tổ chức, doanh nghiệp còn lại bắt buộc phải sử dụng hóa đơn điện tử/hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế?

Góp ý tương tự với đề xuất “từ ngày 01/01/2020: 80% các doanh nghiệp, tổ chức sử dụng hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế”.

Đề nghị Ban soạn thảo giải trình rõ hơn các vấn đề trên.

***b. Nhóm vấn đề quy định về sử dụng hóa đơn có mã của cơ quan thuế***

Trong nhóm vấn đề này có nội dung về “Điều kiện sử dụng hóa đơn có mã của cơ quan thuế, nội dung trên hóa đơn xác thực”. Nội dung này có thể hiểu, để sử dụng hóa đơn có mã của cơ quan thuế phải đáp ứng một số điều kiện nhất định. Tuy nhiên, nội dung tại nhóm vấn đề thứ 2 về các đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế lại đưa đến cách hiểu, tất cả các doanh nghiệp mới thành lập đều phải áp dụng hóa đơn điện tử có mã mà không phải đáp ứng điều kiện sử dụng.

Để đảm bảo tính minh bạch và thống nhất trong các nhóm vấn đề đề xuất, đề nghị Ban soạn thảo thể hiện lại các nhóm vấn đề quy định tại điểm 2, 3 để tránh hiện tượng chồng chéo trong cách hiểu như trên.

Mặt khác, để dự liệu và đánh giá tính hợp lý của các điều kiện sử dụng hóa đơn, đề nghị Ban soạn thảo bổ sung các điều kiện dự kiến đề xuất, thay vì chỉ nêu tên đề mục.

Góp ý tương tự đối với nhóm vấn đề quy định về sử dụng hóa đơn điện tử do doanh nghiệp phát hành quy định tại điểm 4.

***c. Nhóm vấn đề quy định về cơ sở pháp lý đối với tổ chức cung cấp dịch vụ truyền nhận dữ liệu hóa đơn điện tử trung gian giữa cơ quan thuế và người nộp thuế (gọi là tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN)***

Theo như đề xuất tại nhóm vấn đề này, cung cấp dịch vụ T-VAN là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Đề nghị Ban soạn thảo làm rõ các vấn đề đối với hoạt động này như sau:

- Cung cấp dịch vụ T-VAN thuộc ngành, nghề nào trong Danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 (được sửa đổi năm 2016) của Luật đầu tư 2014. Nếu không thuộc trong ngành, nghề nào của Danh mục, đề nghị Ban soạn thảo bỏ nhóm vấn đề quy định về điều kiện của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.
  - Trong trường hợp, cung cấp dịch vụ T-VAN là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, đề nghị Ban soạn thảo bổ sung các điều kiện dự kiến sẽ được áp dụng đối với ngành, nghề này để có thể đánh giá được tính hợp lý, phù hợp của chính sách;
  - Hình thức lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ T - VAN là hoạt động cấp phép hay là đấu thầu hay là cách thức nào? Bởi điều này vừa liên quan đến thủ tục hành chính vừa liên quan đến tính minh bạch trong hoạt động cung cấp dịch vụ T-VAN, đề nghị Ban soạn thảo giải trình rõ hơn.
- d. Nhóm vấn đề quy định về quyền lợi, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong quản lý, sử dụng hóa đơn**

Trong nhóm vấn đề này, Ban soạn thảo dự kiến đưa ra nội dung về “điều kiện của tổ chức nhận in hóa đơn, tổ chức cung ứng phần mềm tự in hóa đơn”.

Hoạt động “cung ứng phần mềm tự in hóa đơn” theo như nội dung đề xuất, đang được hiểu là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện (tổ chức cung ứng phần mềm tự in hóa đơn phải đáp ứng điều kiện). Điều này dường như chưa phù hợp với Danh mục Phụ lục 4 tại Luật đầu tư 2014, đề nghị Ban soạn thảo xem xét và sửa đổi lại để đảm bảo tính thống nhất.

Tương tự, đề nghị Ban soạn thảo đưa ra một số điều kiện dự kiến đối với tổ chức nhận in hóa đơn để có đủ thông tin nhận định tính phù hợp của các điều kiện này.

Trên đây là một số ý kiến ban đầu của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đối với Dự thảo về đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ. Rất mong Quý Cơ quan cân nhắc trong quá trình sửa đổi nội dung Dự thảo.

Trân trọng cảm ơn.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp
- Chủ tịch Vũ Tiến Lộc (để báo cáo)
- Lưu VT, PC

TL. CHỦ TỊCH  
 KT. TRƯỞNG BAN PHÁP CHẾ  
 PHÓ TRƯỞNG BAN  
 PHÒNG  
 THƯƠNG MẠI  
 VÀ CÔNG NGHIỆP  
 VIỆT NAM  
 \* **Phạm Ngọc Thạch**

